*Điều 7.* — Hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đã hết hạn phục vụ tại ngũ có thể tình nguyện ở lại phục vụ trên hạn định một thời gian.

Chế độ phục vụ tại ngũ trên hạn định của hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định.

*Điều 8.* — Hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân phục vụ tại ngũ đủ thời hạn theo quy định trên đây được xuất ngũ và hưởng chế độ xuất ngũ như hạ sĩ quan, chiến sĩ Quân đội nhân dân.

Trong trường hợp không đủ điều kiện để tiếp tục phục vụ tại ngũ (sức khỏe yếu, gia đình khó khăn...) hạ sĩ quan, chiến sĩ có thể được xuất ngũ trước thời hạn.

Thủ tục xuất ngũ trước thời hạn do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định.

*Điều 9.* — Hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân xuất ngũ được chính quyền các cấp, thủ trưởng các cơ quan, xí nghiệp ưu tiên giải quyết trong việc tuyển sinh, tuyển dụng, sắp xếp việc làm như đối với quân nhân xuất ngũ.

*Điều 10.* — Hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân xuất ngũ khi về nơi cư trú trong thời hạn 15 ngày phải đến Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh để đăng ký nghĩa vụ quân sự ngạch dự bị.

*Điều 11.* — Khi có lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ, việc gọi nhập ngũ vào lực lượng Công an nhân dân theo các lệnh đó và những lần gọi tiếp được tiến hành theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng. Những hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đã xuất ngũ có thể được gọi nhập ngũ trở lại để phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân hoặc lực lượng Quân đội nhân dân. Khi đó việc xuất ngũ của hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đã hết thời hạn phục vụ tại ngũ sẽ đình lại.

Khi có lệnh phục viên sau chiến tranh, việc cho hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân xuất ngũ được tiến hành theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng và lệnh của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

*Điều 12.* — Những hành vi vi phạm chế độ nghĩa vụ phục vụ tại ngũ trong lực lượng Công an nhân dân được quy định trong Nghị định này bị xử lý như đối với những hành vi vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự.

*Điều 13.* — Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ. Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

*Điều 14.* — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**T.M. Hội đồng Bộ trưởng**
*Chủ tịch*
ĐỖ MƯỜI

---

## QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 51 - HĐBT ngày 25-5-1989 về việc tổ chức lại công tác tiếp nhận viện trợ của các tổ chức quốc tế.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;*

*Để việc tiếp nhận và quản lý viện trợ của các tổ chức quốc tế phù hợp với cơ chế quản lý mới,*

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

QUYẾT ĐỊNH:

*Điều 1.* — Giải thể Ban Tiếp nhận viện trợ trực thuộc Bộ Tài chính (quy định ở điều 6 của Quyết định số 261-CP ngày 14-9-1977).

*Điều 2.* — Từ nay, việc tiếp nhận và quản lý viện trợ của các tổ chức quốc tế được tổ chức theo nguyên tắc sau:

1. Ngành, địa phương, cơ sở nào đã được Nhà nước cho phép tiếp nhận viện trợ của tổ chức quốc tế thì được trực tiếp tiếp xúc, đàm phán, ký kết, tiếp nhận và sử dụng nguồn hàng viện trợ đó.

2. Đối với các tổ chức quốc tế xin vào viện trợ nhưng chưa xác định rõ viện trợ cho ngành, địa phương, cơ sở nào hoặc viện trợ của các tổ chức quốc tế liên quan đến nhiều ngành, địa phương và cơ sở thì giao cho các cơ quan sau đây làm đầu mối để hướng dẫn, giúp đỡ cho các tổ chức quốc tế liên hệ và làm việc với các ngành, địa phương và cơ sở trong nước:

— Đối với các tổ chức phi Chính phủ, cơ quan đầu mối là Liên hiệp các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị của Việt Nam. Cơ quan này chỉ làm đầu mối giao dịch lúc ban đầu, sau đó giao cho tổ chức hoặc đơn vị được nhận viện trợ trực tiếp quan hệ.

— Đối với các tổ chức Liên hợp quốc, đầu mối là Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

3. Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với tiền, hàng viện trợ, có nhiệm vụ theo dõi, thống kê, kiểm tra việc thanh, quyết toán, tổng hợp và báo cáo định kỳ lên Hội đồng Bộ trưởng về tất cả các chương trình và dự án viện trợ (bao gồm các tổ chức Liên hợp quốc và các tổ chức phi Chính phủ). Các cơ quan, tổ chức nói ở điểm 2 trên đây có trách nhiệm thông báo cho Bộ Tài chính số lượng và việc sử dụng hàng viện trợ, Bộ Tài chính phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Liên hiệp các tổ chức hòa bình, hữu nghị, đoàn kết của Việt Nam xây dựng quy chế về quản lý tiền, hàng viện trợ trình Chính phủ quyết định.

*Điều 3.* — Bộ Tài chính chỉ đạo thực hiện việc giải thể Ban Tiếp nhận viện trợ, chuyển giao những công việc liên quan cho các cơ quan hữu quan; kiểm kê cơ sở vật chất hiện do Ban Tiếp nhận viện trợ quản lý để báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định việc sử dụng.

*Điều 4.* — Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
*Phó Chủ tịch*
VÕ VĂN KIỆT

## NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 52-HĐBT ngày 27-5-1989 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25-2-1983 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 30 tháng 1 năm 1989.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;*

*Căn cứ Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983;*

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09653473